

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		19.386.376.542	19.308.772.358
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		28.972.999	83.639.796
1 Tiền	111	V.1	28.972.999	83.639.796
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	8.314.856.817	8.707.706.719
1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn	131		2.577.252.798	2.855.834.598
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.434.114.293	3.427.574.293
6 Các khoản phải thu khác	136		2.126.507.029	2.247.315.131
8 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		176.982.697	176.982.697
IV Hàng tồn kho	140	V.3	6.557.114.512	6.526.284.892
1 Hàng tồn kho	141		6.557.114.512	6.526.284.892
V Tài sản ngắn hạn khác	150	V.4	4.485.432.214	3.991.140.951
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.480.140.951	3.991.140.951
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	5.291.263	-
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		448.016.859	478.846.479
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		329.199.586	360.029.206
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	329.199.586	360.029.206
- Nguyên giá	222		5.290.903.309	5.290.903.309
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.961.703.723)	(4.930.874.103)
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		118.817.273	118.817.273
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		118.817.273	118.817.273
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		19.834.393.401	19.787.618.837

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiếp theo

Đơn vị tính: VND

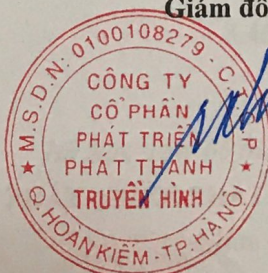
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.976.789.605	3.933.466.506
I Nợ ngắn hạn	310		3.976.789.605	3.933.466.506
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	1.455.183.667	1.454.403.667
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.7	100.000.000	-
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	1.055.965.147	957.746.505
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	-	223.058.636
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	1.212.940.460	1.145.557.367
12 Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		152.700.331	152.700.331
II Nợ dài hạn	330		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		15.857.603.796	15.854.152.331
I Vốn chủ sở hữu	410	V.10	15.830.059.273	15.826.607.808
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.920.000.000	13.920.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		40.910.225	40.910.225
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		17.497.673	17.497.673
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.851.651.375	1.848.199.910
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		27.544.523	27.544.523
1 Nguồn kinh phí	431		27.544.523	27.544.523
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		19.834.393.401	19.787.618.837

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Ánh Ngọc

Nguyễn Diên Cường

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).